CÔNG TY: Cổ phần thương mại dịch vụ vận tải xi măng Hải Phòng
Địa chỉ: Số 290 đường Hà Nội, Hồng Bàng, Hải Phòng
Tel: 031.3540418 Fax: 031.3540417

Báo cáo tài chính
Quý II năm tài chính 2016

Mẫu số B01-DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
22/12/2014 của Bộ tài chính)

DN - BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH

Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Thuyết minh	Quý này năm nay	Quý này năm trước	Số lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này (Năm nay)	Số lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này (Năm trước)
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.25	26.164.636.892	23.845.706.387	46.792.284.826	37.226.660.395
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.26	-	-	-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	**10**	VI.27	**26.164.636.892**	**23.845.706.387**	**46.792.284.826**	**37.226.660.395**
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.28	24.110.917.965	21.313.651.600	42.403.124.892	33.231.461.148
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ(20=10-11)	**20**		**2.053.718.927**	**2.532.054.787**	**4.389.159.934**	**3.995.199.247**
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.29	73.414.901	58.503.382	104.182.035	74.948.658
7. Chi phí tài chính	22	VI.30	30.138.887		49.388.889	
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23					
8. Phần lãi lỗ trong công ty liên doanh liên kết	24					
9. Chi phí bán hàng	25		828.786.348	874.995.479	1.543.328.859	1.199.617.443
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26		1.077.767.615	996.230.765	2.000.273.803	1.800.621.018
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh{30=20+(21-22)+24-(25+26)}	**30**		**190.440.978**	**719.331.925**	**900.350.418**	**1.069.909.444**
12. Thu nhập khác	31		238.199.470	24.334.545	248.199.470	24.334.545
13. Chi phí khác	32		24.377.126	29.362.681	24.377.126	29.362.681
14. Lợi nhuận khác(40=31-32)	**40**		**213.822.344**	**(5.028.136)**	**223.822.344**	**(5.028.136)**
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế(50=30+40)	**50**		**404.263.322**	**714.303.789**	**1.124.172.762**	**1.064.881.308**
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.31	80.852.664	162.250.834	224.834.552	239.377.888
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	VI.32	-	-	-	-
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp(60=50-51-52)	**60**		**323.410.658**	**552.052.955**	**899.338.210**	**825.503.420**
18.1 Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		-	-	-	-
18.2 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		-	-	-	-
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu(*)	70		160	274	446	409
20. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71		-	-	-	-

Hải Phòng, ngày 20 tháng 07 năm 2016

NGƯỜI LẬP BIỂU	TP. KẾ TOÁN-TÀI CHÍNH	GIÁM ĐỐC
(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên, đóng dấu)
Vũ Thanh Tùng	Phạm Thế Hưng	Khoa Năng Tuyên

Signature Not Verified
Ký bởi: TRẦN QUANG HIỂN
Ký ngày: 22/7/2016 18:14:03